TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2023/DS -PT
Ngày: 15/8/2023
V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy GCNQSD đất*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**
CácThẩmphán: Ông **Vũ Thanh Liêm**
Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Viết Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy GCNQSD đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2647/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T, bà Hồ Thị C; địa chỉ: thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Đều có mặt.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Đ, bà Phan Thị Thúy H; địa chỉ: thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Đều có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Xuân N – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt

2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt ‘

4. Anh Nguyễn Văn N1 và anh Nguyễn Văn K; cùng địa chỉ: thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Người đại điện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn N1 *và* Nguyễn Văn K*:* ông Nguyễn Đ và bà Phan Thị Thúy H. Có mặt.

5. Anh Nguyễn R; địa chỉ: thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn R*:* ông Nguyễn T. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn T1; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Ông Nguyễn S; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người kháng cáo: ông Nguyễn T, bà Hồ Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn ông*** Nguyễn T***, bà*** Hồ Thị C ***trình bày:***

Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là do bố mẹ của ông là ông Nguyễn P, bà Lê Thị C1 để lại trước năm 1975. Năm 2004, gia đình ông xây dựng nhà ở nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đến năm 2017 gia đình ông được UBND huyện H cấp GCNQSD đất với diện tích 428 m^2 (trong đó 200 m^2 đất ở, 228 m^2 đất vườn).

Quá trình sử dụng đất, gia đình ông Nguyễn Đ, bà Phan Thị Thúy H đã lấn chiếm đất của gia đình ông. Năm 2021 gia đình ông Nguyễn Đ làm nhà thì gia đình ông không có ý kiến gì, đến khi ông Đ đập tường rào của gia đình ông thì ông tiến hành kiểm tra, đo đạc lại, nên mới biết đất của nhà ông bị thiếu so với GCNQSD đất.

Nay, vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Đ, bà Phan Thị Thúy H trả lại 168m^2 đất như kết quả đo vẽ, kiểm tra cho gia đình ông.

Về các công trình xây dựng trên đất của bị đơn ông Nguyễn Đ, xây lấn sang đất của gia đình ông, thì ông Đ, bà H phải tháo dỡ để trả lại đúng diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông.

**** Bị đơn ông*** Nguyễn Đ***, bà*** Phan Thị Thúy H ***trình bày:***

Năm 1999, gia đình ông nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn T1 với diện tích 350m^2 (*đất do ông* T1 *khai hoang, không có giấy tờ, giấy mua bán viết tay*), khi đó trên đất có 01 hàng dứa ngăn cách với đất nhà ông Nguyễn T, bà Hồ Thị C. Năm 2000, gia đình ông xây nhà lấy hàng dứa

trước đây làm ranh giới; sau đó ông Nguyễn T phá bỏ hàng dứa để xây tường rào vào năm 2010.

Năm 2007, gia đình ông được cấp GCNQSD đất với diện tích 327m^2. Phía nguyên đơn ông Nguyễn T, bà Hồ Thị C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2017, cấp sau gia đình ông 10 năm và việc cấp đất cho hộ ông T đã cấp chồng lên đất gia đình ông tới gần một nửa thửa đất.

Vì vậy, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án xem xét, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn và GCNQSD đất của gia đình ông, vì việc cấp GCNQSD đất cho nguyên đơn đã cấp đất chồng lên đất và nhà của gia đình ông.

**** Ý kiến trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Ủy ban nhân dân huyện H*:*

Qua xem xét hồ sơ, UBND huyện H nhận thấy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2017 cho hộ ông Nguyễn T là không đúng hiện trạng sử dụng đất, có chồng lấn qua đất của hộ ông Nguyễn Đoàn . Đồng thời, quá trình lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn T có sự sai sót. Ủy ban nhân dân huyện H đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn T vào năm 2017.

- *Chi nhánh* Văn phòng đăng ký đất đai huyện H*, tỉnh Quảng Trị trình bày:*

- *Hồ sơ cấp GCNQSD đất cho hộ ông* Nguyễn Đ*, bà* Phan Thị Thúy H *năm 2006 gồm có*: Đơn xin cấp giấy CNQSD đất do mẹ ông Đ là bà Nguyễn Thị D ký thay; Bản đồ do đơn vị tư vấn lập năm 2006 sai, trong thửa đất có mồ mả trên đất, ranh giới thửa đất trên bản đồ cắt ngang công trình nhà ở của ông Nguyễn Đ đã xây trước đó. Vị trí đất được cấp GCNQSD đất không trùng khớp với vị trí diện tích đất mà hộ ông Đ đã sử dụng, xây dựng nhà ở từ trước đó.

Do sự thiếu kiểm tra trong hồ sơ cấp giấy CNQSD đất của hộ ông Nguyễn Đ, mặt khác đơn vị tư vấn đã lập bản đồ địa chính sai hiện trạng sử dụng đất nên dẫn đến hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất sai thực tế, UBND huyện H đã cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Đoàn s diện tích sử dụng. Đề nghị Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho hộ ông Đ để được cấp lại theo thực tế sử dụng theo khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

- *Đối với Hồ sơ cấp GCNQSD đất cấp cho hộ ông* Nguyễn T*, bà* Hồ Thị C *năm 2017:*

Năm 2017, UBND xã H lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông T đã không thực hiện việc đo đạc, kiểm tra mà lấy số liệu do tư vấn lập bản đồ từ năm 2006 để lập hồ sơ cấp GCNQSD đất. Quá trình thẩm định hồ sơ, cán bộ chi nhánh kiểm tra hồ sơ thấy các hộ liền kề ký giáp ranh đầy đủ, kiểm tra hồ sơ kỹ thuật số thấy trùng khớp nên đã không kiểm tra thực địa mà ký duyệt theo hồ sơ do UBND xã H lập cách trước đó hơn 10 năm

(Hồ sơ lập năm 2006 đến 2017 cấp GCNQSD đất). Như vậy là sai quy trình, không phù hợp với thực tế hiện tại.

Mặt khác, Bản đồ do đơn vị tư vấn lập năm 2006 đã sai, trong thửa đất ở có mồ mả trên đất và tồn tại một phần công trình nhà ở của ông Nguyễn Đ trong thửa đất của ông Nguyễn T. Cấp đất cho hộ ông T đã cấp chồng lên một phần ngôi nhà của ông Đ và nhiều ngôi mộ. Như vậy là sai sót nghiêm trọng.

Do sự thiếu kiểm tra thực địa trong hồ sơ cấp GCNQSD đất của hộ ông Nguyễn T, mặt khác đơn vị tư vấn đã lập bản đồ địa chính sai hiện trạng sử dụng đất nên dẫn đến hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất sai thực tế, UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho ông Nguyễn T sai diện tích sử dụng. Đề nghị Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho hộ ông T để được cấp lại theo thực tế sử dụng theo khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

- UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị *trình bày:*

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp, UBND xã H đã tiếp nhận hồ sơ vụ việc và hòa giải giữa các đương sự. Qua xem xét, UBND xã H có xác minh, đối với trường hợp của nguyên đơn ông Nguyễn T, được cấp GCNQSD đất năm 2017, nhưng hồ sơ lập năm 2006, đất cấp đã chồng lên 02 ngôi mộ của người dân và ngôi nhà đã xây trước đó của hộ liền kề ông Đ.

Trong khi đó, thửa đất của gia đình ông Nguyễn Đoàn c lên ngôi mộ của gia đình ông Nguyễn Hoài .1 Năm 2000 gia đình ông Nguyễn Đ làm nhà tạm, đến năm 2003 thì xây nhà kiên cố, đến năm 2007 thì được cấp GCNQSD đất. Gia đình ông Nguyễn T làm nhà từ năm 2004, xây tường rào ranh giới giữa hai hộ từ năm 2010. Hồ sơ đa dạng hóa năm 2006, quá trình đo vẽ chồng lấn diện tích đất xảy ra ở nhiều hộ dân, có xê dịch tọa độ.

Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, giữ nguyên và tôn trọng hiện trạng thực tế sử dụng đất từ lâu nay không có tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, khoản 1 Điều 157 BLTTDS;

Căn cứ các Điều 48; Điều 50, khoản 2 Điều 52 của Luật đất đai năm 2003 và Điều 5, khoản 1 Điều 101, Điều 106 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 135 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T, bà Hồ Thị C về việc buộc ông Nguyễn Đ, bà Phan Thị Thúy H trả lại diện tích đất 168m^2 cho nguyên đơn;

2. Tuyên hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hai hộ, cụ thể:

- Hủy Giấy CNQSD đất số CK 489483 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn T, bà Hồ Thị C ngày 23/11/2017 với diện tích 428m^2; thửa số 274, tờ bản đồ số 03, tại Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 217554 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Đ, bà Phan Thị Thúy H ngày 19/4/2007 với diện tích 327m^2; thửa số 275/01, tờ bản đồ số 03, tại Đội 2, thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị;

- Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của hai hộ ông T và hộ ông Đ như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, theo sơ đồ đo vẽ ngày 30/11/2022 của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Q (*có sơ đồ đo vẽ, diện tích, tứ cạnh, hệ tọa độ cụ thể kèm theo*).

Các đương sự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại GCNQSD đất mới theo Điều 106 Luật đất đai sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật thi hành.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/3/2023, nguyên đơn ông Nguyễn T, bà Hồ Thị C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Đại diên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T, bà Hồ Thị C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn T, bà Hồ Thị C; nhận thấy:

[1.1]. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Đ và hộ ông Nguyễn T:

- Năm 2000, gia đình ông Nguyễn Đ, bà Phan Thị Thúy H nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn T1 (do ông T1 khai hoang, viết giấy mua bán tay, không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tại

thời điểm chuyển nhượng ông T1 không có giấy tờ pháp lý về đất đai) với diện tích khoản 350m^2; theo ông Đ trình bày, tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất thì giữa đất ông T1 và ông Nguyễn P (cha ông T) đã có hàng rào dứa làm ranh giới giữa hai thửa đất (nội dung này được ông Nguyễn T1 xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm). Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông Nguyễn Đ xây dựng nhà ở từ năm 2000 đến nay. Ngày 27/5/2006, ông Đ có đơn xin cấp Giấy CNQSD đất; ngày 19/4/2007, hộ gia đình ông Nguyễn Đ được UBND huyện H cấp Giấy CNQSD đất số AI 217554 với diện tích 327m^2 (trong đó 200m^2 đất ở, 127m^2 đất trồng cây hàng năm khác).

- Năm 2004, ông T về xây nhà trên diện tích đất (do bố ông là Nguyễn P khai hoang, kê khai đăng ký) liền kề nhà đất ông Đ; đồng thời ông T làm hàng rào bằng tre làm ranh giới phân định ranh giới đất giữa ông với ông Đ, đến năm 2010 ông T xây dựng lại hàng rào bằng lưới B40, cột trụ bê tông. Ngày 25/5/2017, ông T có đơn xin cấp Giấy CNQSD đất; ngày 23/11/2017, hộ gia đình ông T được UBND huyện H cấp Giấy CNQSD đất số CK 489483, với diện tích 428m^2.

Trong quá trình sử dụng đất từ năm 2000 đến năm 2017 giữa hai bên không có tranh chấp.

[1.2]. Về trình tự, thủ tục cấp Giấy CNQSD đất:

- Theo Công văn số 1668/UBND-TH ngày 14/12/2022 của UBND huyện H (BL 220) xác định: Hộ ông Nguyễn Đ làm nhà ở năm 2000 và được UBND huyện H cấp Giấy CNQSD đất số AI 217554 ngày 19/4/2007. Hộ ông Nguyễn T làm nhà ở năm 2004 và được UBND huyện H cấp Giấy CNQSD đất số CK 489483 ngày 23/11/2017. Tuy nhiên quá trình kiểm tra hồ sơ và hiện trạng cấp Giấy CNQSD đất số CK 489483 ngày 23/11/2017 cho hộ ông T, UBND huyện nhận thấy việc cấp giấy không đúng với hiện trạng sử dụng đất.

- Tại Văn bản trình bày quan điểm ngày 08/12/2022 (BL211) Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện H trình bày:

+ *Đối với hồ sơ cấp GCNQSD đất cho hộ ông* Nguyễn Đ *năm 2006:* Bản đồ do đơn vị tư vấn lập năm 2006 sai, trong thửa đất có mồ mả trên, ranh giới thửa đất trên bản đồ cắt ngang công trình nhà ở của ông Nguyễn Đoàn . Do sự thiếu kiểm tra trong hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất của hộ ông Nguyễn Đ, mặt khác đơn vị tư vấn đã lập bản đồ địa chính sai hiện trạng sử dụng đất nên dẫn đến hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất sai thực tế, sai diện tích sử dụng.

+ *Đối với hồ sơ cấp GCNQSD đất cho hộ ông* Nguyễn T *năm 2017:* Năm 2017, UBND xã H lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho ông T không thực hiện đo đạt, kiểm tra mà lấy số liệu do tư vấn lập năm 2006 để lập hồ sơ. Bản đồ do đơn vị tư vấn lập năm 2006 sai, trong thửa đất ở có mồ mả trên và tồn tại một phần công trình nhà ở của ông Nguyễn Đ trong thửa đất của ông Nguyễn T. Do sự thiếu kiểm tra thực địa trong hồ sơ cấp GCNQSD đất của hộ ông Nguyễn T, mặt khác đơn vị tư vấn đã lập bản đồ địa chính sai

hiện trạng sử dụng đất nên dẫn đến hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho ông T cũng sai thực tế, sai diện tích sử dụng.

[1.3]. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/11/2022, kèm theo Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất (BL 190 – 195), thể hiện: Hiện trạng ranh giới giữa hai nhà là tường bê tông rào thép B40; hiện ông Đ đang sử dụng 105m^2 trong phần đất đã cấp Giấy CNQSD đất cho ông T.

[1.4]. Từ viện dẫn và phân tích từ Mục [1.1] đến [1.3] nêu trên có căn cứ xác định:

Năm 1999 gia đình ông Nguyễn Đ làm nhà tạm, đến năm 2000 thì xây nhà kiên cố, đến năm 2007 thì hộ ông Nguyễn Đ được cấp GCNQSD đất. Giấy chứng nhận QSD đất cấp cho hộ ông Đ không trùng với vị trí đất và nhà của ông Đ, bị cắt gần một 1/2 ngôi nhà nhưng ông Đ không biết. Trong khi đó, gia đình ông Nguyễn T làm nhà năm 2004, ranh giới đất giữa hai nhà được chính ông Nguyễn T xây tường rào, có gắn lưới B40 vào năm 2010, đến năm 2017 thì hộ ông Nguyễn T được cấp GCNQSD đất. Việc cấp GCNQSD đất cho ông T đã chồng lên đất của gia đình ông Nguyễn Đ đã xây dựng nhà ở từ năm 2000.

Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình ông Đ và gia đình ông T đều sai về trình tự, thủ tục, không đúng hiện trạng, ranh giới sử dụng đất ổn định của các bên từ trước năm 2000. Do đó, án sơ thẩm căn cứ vào quá trình sử dụng đất ổn định của các đương sự trong vụ án để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng thời căn cứ Điều 34 BLTTDS, hủy các Giấy chứng nhận QSD đất mà UBND huyện H đã cấp cho hộ gia đình ông Đ và gia đình ông T nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông T, bà C kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T, bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T, bà Hồ Thị C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 48, Điều 50, khoản 2 Điều 52 của Luật đất đai năm 2003 và Điều 5, khoản 1 Điều 101, Điều 106 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 135 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T, bà Hồ Thị C về việc buộc ông Nguyễn Đ, bà Phan Thị Thúy H trả lại diện tích đất 168m^2 cho nguyên đơn;

- Hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hai hộ, cụ thể:

+ Hủy Giấy CNQSD đất số CK 489483 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn T, bà Hồ Thị C ngày 23/11/2017 với diện tích 428m^2; thửa số 274, tờ bản đồ số 03, tại Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 217554 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Đ, bà Phan Thị Thúy H ngày 19/4/2007 với diện tích 327m^2; thửa số 275/01, tờ bản đồ số 03, tại Đội 2, thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị;

- Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của hai hộ ông T và hộ ông Đ như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, theo sơ đồ đo vẽ ngày 30/11/2022 của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Q (*có sơ đồ đo vẽ, diện tích, tứ cạnh, hệ tọa độ cụ thể kèm theo*).

Các đương sự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại GCNQSD đất mới theo Điều 106 Luật đất đai.

2. Các quyết định khác về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩn được thi hành theo Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn T, bà Hồ Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đã nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000261 ngày 13/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao – Vụ GĐKT III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào